

Số: /QĐ-SKHCHN

Lạng Sơn, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chứng nhận chuẩn đo lường trực tiếp
để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Đo lường số 04/2011/QH13;

Căn cứ Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;

Căn cứ Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 54/2025/TT-BKHCHN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 cho Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn (địa chỉ trụ sở chính: Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn, điện thoại: 02053.870073) có Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn chịu trách nhiệm duy trì, bảo quản, sử dụng các chuẩn đo lường ghi tại Điều 1 theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Quản lý Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Giám đốc Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh
- Ủy ban TCDLCL Quốc gia } (để b/c);
- Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Trung tâm Công nghệ số (đăng tải Website Sở);
- Lưu: VT, QLCN&TĐC_(LGB).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Huy

Phụ lục
CHUẨN ĐO LƯỜNG DÙNG TRỰC TIẾP ĐỂ KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN ĐO NHÓM 2
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCVN ngày tháng 6 năm 2026
của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn)*

TT	Tên chuẩn đo lường	Số sản xuất/năm sản xuất/hãng sản xuất/nước sản xuất	Ký hiệu/kiểu/đặc tính kỹ thuật đo lường chính	Lĩnh vực kiểm định	Ghi chú
1	Bình chuẩn kim loại	- Số sản xuất: 24453; - Năm sản xuất: 2024; - Hãng sản xuất: Vinatech; - Nước sản xuất: Việt Nam;	- Kiểu: Thang đo; Model: BCVN-5; - Đặc tính kỹ thuật đo lường: + Dung tích danh định: 5L; + Cấp chính xác: 0,2; + Giá trị vạch chia: 0,1 % Vn;	Kiểm định ban đầu, kiểm định định kỳ, kiểm định sau sửa chữa đối với: - Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí, DN (15 ÷ 25): + Phạm vi đo: Q _n đến 3,5 m ³ /h; + Cấp: A; B; C; - Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí, DN (15 ÷ 25): + Phạm vi đo: Q ₃ đến 6,3 m ³ /h; + Cấp chính xác: 0,2.	Chứng nhận lần đầu
2	Bình chuẩn kim loại	- Số sản xuất: 24454; - Năm sản xuất: 2024; - Hãng sản xuất: Vinatech; - Nước sản xuất: Việt Nam;	- Kiểu: Thang đo; Model: BCVN-1525; - Đặc tính kỹ thuật đo lường: + Dung tích danh định: 15L và 25L; + Cấp chính xác: 0,2; + Giá trị vạch chia: 0,1 % Vn;	Kiểm định ban đầu, kiểm định định kỳ, kiểm định sau sửa chữa đối với: - Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí, DN (15 ÷ 25): + Phạm vi đo: Q _n đến 3,5 m ³ /h; + Cấp: A; B; C; - Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí, DN (15 ÷ 25): + Phạm vi đo: Q ₃ đến 6,3 m ³ /h; + Cấp chính xác: 0,2.	Chứng nhận lần đầu

3	Bình chuẩn kim loại	<ul style="list-style-type: none"> - Số sản xuất: 24455; - Năm sản xuất: 2024; - Hãng sản xuất: Vinatech; - Nước sản xuất: Việt Nam; 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu: Thang đo; Model: BCVN-50100; - Đặc tính kỹ thuật đo lường: <ul style="list-style-type: none"> + Dung tích danh định: 50L và 100L; + Cấp chính xác: 0,2; + Giá trị vạch chia: 0,1 % V_n; 	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm định ban đầu, kiểm định định kỳ, kiểm định sau sửa chữa đối với: <ul style="list-style-type: none"> - Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí, DN (15 ÷ 25): <ul style="list-style-type: none"> + Phạm vi đo: Q_n đến 3,5 m³/h; + Cấp: A; B; C; - Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí, DN (15 ÷ 25): <ul style="list-style-type: none"> + Phạm vi đo: Q₃ đến 6,3 m³/h; + Cấp chính xác: 0,2. 	Chứng nhận lần đầu
---	---------------------	--	--	---	--------------------